

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-7-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Lê

2. Bà Đinh Kim Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Uyên Vy, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà TTTV, sinh năm 1990; “Vắng mặt. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt”

Địa chỉ: 52 đường A, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông TTN, sinh năm 1991; “Vắng mặt”

Địa chỉ: 150 Đoàn Văn Bơ, phường C, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà TTTV trình bày:

Bà và Ông N tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Bản thân bà cảm thấy stress và tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà xin ly hôn với Ông N.

- Về con chung: Ông bà không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: bà V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn Ông TTN có trình bày bản tự khai như sau: Trong thời gian diễn ra dịch bệnh thì ông sống tại Quận 4 còn bà V thì sống bên Quận 7, ông phát hiện bà V đã có tình cảm với người thứ ba nên dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng, thường xuyên cãi vã và đánh nhau. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông N xác định không có. Tuy nhiên, trong các lần hòa

giải tiếp theo cũng như các phiên tòa xét xử vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng Ông N vẫn không có mặt tại Tòa án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay, Ông N vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến kết luận việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng, đầy đủ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà V. Về quan hệ hôn nhân: bà V được ly hôn với Ông N. Về con chung: bà V và Ông N tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: bà V và Ông N tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy việc bà V khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình. Do Ông TTN đang cư trú tại Quận 4 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông N không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Ông N.

[2] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy:

bà V và Ông N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2020 do Ủy ban nhân dân phường C, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2020). Do đó, hôn nhân của bà V và Ông N là hợp pháp.

bà V và Ông N chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm. Ông bà ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện Ông N không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa bà V và Ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà V ly hôn với Ông N.

Về con chung: bà V và Ông N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: bà V và Ông N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bà V phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: bà TTTV được ly hôn với Ông TTN (Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2020 do Ủy ban nhân dân phường C, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2020).

- Về con chung: bà V và Ông N tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: bà V và Ông N tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: bà V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0008556 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. bà V đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình